

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2019**

Tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2019**

Tháng 10 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho quý 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Vũ	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Hưng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Vui	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thọ Tuyển	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thọ Tuyển	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cấn Công Việt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Hồi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Hữu Chiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho quý 3 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Chu Hữu Chiến
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,556,942,385,410	1,469,530,097,504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		293,727,303,022	274,788,860,733
1. Tiền	111		159,783,138,441	274,788,860,733
2. Các khoản tương đương tiền	112		133,944,164,581	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,046,121,066,487	742,340,601,536
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		675,434,416,332	611,456,393,218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16,402,454,931	11,408,561,139
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		56,500,000,000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		304,155,808,289	125,847,260,244
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6,371,613,065)	(6,371,613,065)
IV. Hàng tồn kho	140		209,249,883,504	451,427,489,086
1. Hàng tồn kho	141		209,249,883,504	451,427,489,086
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,844,132,397	973,146,149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7,844,132,397	973,146,149
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		855,656,744,553	667,023,112,984
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		606,011,257,760	481,361,313,009
6. Phải thu dài hạn khác	216		606,011,257,760	481,361,313,009
II. Tài sản cố định	220		145,269,533,385	135,251,273,072
1. Tài sản cố định hữu hình	221		136,828,868,526	134,698,643,379
- Nguyên giá	222		152,192,018,214	142,951,675,661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15,363,149,688)	(8,253,032,282)
3. Tài sản cố định vô hình	227		8,440,664,859	552,629,693
- Nguyên giá	228		9,344,387,658	1,247,902,042
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(903,722,799)	(695,272,349)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		37,648,390,955	5,614,765,426
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		37,648,390,955	5,614,765,426
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50,520,000,000	40,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		50,520,000,000	40,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16,207,562,453	4,795,761,477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16,207,562,453	4,795,761,477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,412,599,129,963	2,136,553,210,488

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		762,946,035,936	724,159,822,638
I. Nợ ngắn hạn	310		759,669,169,841	722,000,083,513
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		90,083,206,978	124,381,472,977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20,883,442,916	13,707,420,279
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		93,181,692,627	78,290,607,461
4. Phải trả người lao động	314		69,048,314,553	51,220,585,888
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7,385,133,441	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,769,023,583	3,310,297,747
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		310,637,835,228	245,983,352,314
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		130,150,000,000	170,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		36,530,520,515	35,106,346,847
II. Nợ dài hạn	330		3,276,866,095	2,159,739,125
7. Phải trả dài hạn khác	337		3,276,866,095	2,159,739,125
- Phải trả dài hạn khác (1388)	337B			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,649,653,094,027	1,412,393,387,850
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,649,653,094,027	1,412,393,387,850
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	500,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		800,000,000,000	500,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150,000,000,000	375,000,000,000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1,080,000)	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		64,310,531,382	34,610,103,952
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		635,343,642,645	502,783,283,898
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		377,292,557,267	502,783,283,898
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		258,051,085,378	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2,412,599,129,963	2,136,553,210,488


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng


Chu Hữu Chiến
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 10 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 3 năm 2019

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến quý 3	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	530.999.214.626	237.965.742.343	1.435.843.236.384	688.543.658.580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.802.872.727		12.802.872.727	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		518.196.341.899	237.965.742.343	1.423.040.363.657	688.543.658.580
4. Giá vốn hàng bán	11	22	380.876.410.891	130.282.848.462	1.012.818.633.153	379.635.034.497
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		137.319.931.008	107.682.893.881	410.221.730.504	308.908.624.083
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.188.280.191	33.781.324	1.310.466.824	2.299.212.979
7. Chi phí tài chính	22		7.174.684.505		19.344.156.970	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.174.684.505		19.344.156.970	
8. Chi phí bán hàng	25	23	682.046.420	246.739.734	3.588.097.461	7.838.874.239
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	20.915.856.776	13.004.619.396	64.308.770.154	45.654.661.528
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		109.735.623.498	94.465.316.075	324.291.172.743	257.714.301.295
11. Thu nhập khác	31		35.503.483	10.096.005	145.351.689	188.618.277
12. Chi phí khác	32		723.223.522	148.615.826	1.464.671.102	694.249.623
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(687.720.039)	(138.519.821)	(1.319.319.413)	(505.631.346)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		109.047.903.459	94.326.796.254	322.971.853.330	257.208.669.949
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	21.954.225.396	18.895.082.416	64.920.767.952	51.736.706.462
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		87.093.678.063	75.431.713.838	258.051.085.378	205.471.963.487


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Chu Hữu Chiến
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 10 năm 2019

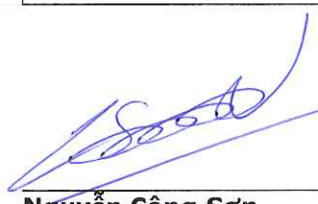
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2019

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		109,047,903,459	94,326,796,254	322,971,853,330	257,208,669,949
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-		
- Khấu hao TSCĐ	02		3,420,783,235	939,500,208	7,318,567,856	2,503,060,330
- Các khoản dự phòng	03		-	-		980,612,741
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		122,186,633	(29,745,596)		(2,252,248,703)
- Chi phí lãi vay	06		7,174,684,505	-	19,344,156,970	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119,765,557,832	95,236,550,866	349,634,578,156	258,440,094,317
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(228,794,114,049)	158,254,333,091	(371,930,409,702)	(468,123,328,685)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		237,633,664,349	(196,427,487,683)	242,177,605,582	(288,222,800,660)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		98,999,192,510	173,485,910,028	74,790,898,910	113,620,671,932
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7,704,089,934)	(1,690,165,177)	(18,282,787,224)	(3,568,354,213)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7,174,684,505)	-	(19,344,156,970)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18,517,066,681)	(6,246,636,804)	(69,383,096,102)	(35,114,931,501)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(11,078,632,394)	(22,140,214,181)	(25,004,132,394)	(22,179,173,081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		183,129,827,128	200,472,290,140	162,658,500,256	(445,147,821,891)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,198,622,821)	(15,506,302,944)	(38,159,444,791)	(29,135,666,922)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-		72,727,273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(74,000,000,000)	-	(83,500,000,000)	(643,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27,000,000,000	(125,000,000,000)	27,000,000,000	643,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	(140,520,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		130,000,000,000	-	130,000,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,188,280,191	29,745,596	1,310,466,824	2,179,521,430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		80,989,657,370	(140,476,557,348)	(103,868,977,967)	(26,883,418,219)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-		625,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	(1,080,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		30,000,000,000	-	235,000,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(196,894,060,000)	-	(274,850,000,000)	(100,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(166,894,060,000)	-	(39,851,080,000)	525,000,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		97,225,424,498	59,995,732,792	18,938,442,289	52,968,759,890
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		196,501,878,524	16,489,562,996	274,788,860,733	23,516,535,898
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		293,727,303,022	76,485,295,788	293,727,303,022	76,485,295,788


Nguyễn Công Sơn
 Người lập biểu


Lê Thị Lan
 Kế toán trưởng


Chu Hữu Chiến
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 10 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp Theo) MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất động sản Thể kỷ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0101160306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001, thay đổi lần thứ 16 ngày 06 tháng 05 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, mua bán vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, tư vấn, môi giới các dịch vụ tài chính;
- Môi giới thương mại; và
- Dịch vụ quản lý bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 04 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Ngôi Sao Toàn Cầu	Hà Nội	51.00%	51.00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi Sao Mới	Hà Nội	80.00%	80.00%	Cung cấp dịch vụ khai thác giá trị gia tăng trên mạng internet, quảng cáo, tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	80.00%	80.00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty Cổ phần M&I Thể Kỳ	Hà Nội	51.00%	51.00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty phản ánh giá trị các hàng hóa bất động sản hình thành từ các dự án kinh doanh bất động sản do Công ty mua lại từ các chủ đầu tư, các hàng hóa bất động sản này sẽ được bán dưới hình thức chuyển giao quyền sở hữu cho người mua. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp để có được hàng hóa bất động sản ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và

được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỲ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp Theo) MẪU SỐ B 09a-DN

hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	20.515.497.908	3.778.403.869
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	139.267.640.533	271.010.456.864
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	133.944.164.581	
	293.727.303.022	274.788.860.733

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	50.520.000.000	-	50.520.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	25.500.000.000	-	25.500.000.000	16.000.000.000	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Công ty cổ phần M&I Thế Kỳ	1.020.000.000	-	1.020.000.000			

Tình hình hoạt động của các công ty con trong quý 3 năm 2019 như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con		
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty cổ phần M&I Thế Kỳ	Hoạt động kinh doanh chưa có lãi	Hoạt động kinh doanh chưa có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 25.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Belleville Hà Nội	15,248,281,538	15,798,263,316
Công ty cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	51,811,262,172	
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Sunshine	11,138,212,146	
Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam	91,306,617,393	61,661,483,507
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Sơn	22,373,972,812	26,268,475,059
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng HUD1	6,035,020,471	8,062,487,835
Công ty Cổ phần Khai Sơn	19,490,039,951	36,130,085,422
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Sản xuất Hạ Long	8,416,478,260	11,418,945,534
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thể Kỳ	107,199,005,632	83,126,606,578
Công ty cổ phần dịch vụ Bất Động Sản Ngôi Sao Toàn Cầu	23,209,294,026	12,591,833,641
Các khoản phải thu khách hàng khác	319,206,231,931	356,398,212,326
	675,434,416,332	611,456,393,218
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	132,248,093,408	95,797,639,575

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Công Gia Phát	692.715.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển cảnh quan Babylon	237.323.900	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thể Kỳ		901.717.390
Công ty Cổ phần CONSGROUP	12.532.984.821	9.355.163.980
Các đối tượng khác	2.939.431.210	1.151.679.769
	16,402,454,931	11,408,561,139
Trả trước người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	-	901.717.390

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Nam Hồng (i)	13,118,959,488	23,441,015,836
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh (ii)	60,319,202,773	75,181,130,714
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội Sunrise (iii)	10,000,000,000	11,800,807,194
Công ty TNHH Địa ốc Gia Phú	5,391,000,324	5,391,000,324
Công ty TNHH Giải pháp và Công nghệ An Thịnh	384,300,000	384,300,000
Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Minh	200,000,000,000	
Tạm ứng cho nhân viên (iv)	12,813,531,623	9,578,039,581
Phải thu khác	2,128,814,081	70,966,595
	304,155,808,289	125,847,260,244
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược (v)	606,011,257,760	481,361,313,009
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền đảm bảo làm tổng đại lý phân phối các dự án	601,642,263,582	479,960,025,174
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	456,600,000,000	315,000,000,000
+ Công ty TNHH Gamuda Land Vietnam	52,648,429,400	58,974,025,174
+ Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	30,000,000,000	30,000,000,000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ khách sạn Soleil	22,550,000,000	25,600,000,000
+ Công ty Cổ phần Khai Sơn	2,700,000,000	18,000,000,000
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Đại Nam Sơn	7,500,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Veracity	8,000,000,000	
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	400,000,000	400,000,000
+ Các đối tượng khác	21,243,834,182	31,986,000,000
- Ký cược, ký quỹ khác	4,368,994,178	1,401,287,835
	606,011,257,760	481,361,313,009
Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	486,600,000,000	345,000,000,000

- (i) Phản ánh giá trị tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án đầu tư xây dựng khu thể thao, trường học, công trình công cộng, khu đô thị phường Đồng Kỵ ký ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Nam Hồng. Theo điều khoản Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty sẽ hợp tác góp vốn cùng Công ty TNHH Nam Hồng để triển khai các thủ tục pháp lý, đầu tư, xây dựng và kinh doanh đối với các sản phẩm bất động sản của Dự án. Công ty TNHH Nam Hồng chịu trách nhiệm thực hiện và chịu mọi chi phí đối với toàn bộ công tác triển khai, xây dựng Dự án; Công ty sẽ chịu trách nhiệm góp vốn bằng tiền để bảo đảm tài chính cho Công ty TNHH Nam Hồng thực hiện các công việc triển khai Dự án, đồng thời Công ty được quyền chỉ định đơn vị bán hàng đối với toàn bộ sản phẩm bất động sản của phần Dự án hợp tác với mức chi phí bán hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 5% tính trên doanh thu bán bất động sản của phần Dự án hợp tác.

Doanh thu thu được từ phần Dự án hợp tác sau khi trừ 5% chi phí bán hàng sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ 70-30. Công ty TNHH Nam Hồng chịu trách nhiệm đối với tất cả các khoản chi phí khác của phần Dự án hợp tác ngoài chi phí bán hàng phân bổ cho các bên.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KÝ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp Theo) MẪU SỐ B 09a-DN

Ngoài khoản tiền góp vốn và chi phí bán hàng phân bổ, Công ty không phải chịu thêm bất kỳ khoản tiền chi phí nào khác.

Theo thỏa thuận ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Nam Hồng, Công ty TNHH Nam Hồng đồng ý để Công ty mua lại toàn bộ sản phẩm Dự án. Đối với 277 lô đất chưa bán đã có sổ, Công ty TNHH Nam Hồng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và sang tên sổ đỏ cho Công ty, tiến độ thực hiện thủ tục sang tên sổ đỏ cho Công ty phù hợp với tiến độ thanh toán của Công ty. Đối với 67 lô phải xây nhà trên đất, Công ty TNHH Nam Hồng ký hợp đồng chuyển nhượng nhà hình thành trong tương lai cho Công ty, và khi Công ty xây dựng xong nhà sẽ làm thủ tục cấp sổ cho Công ty hoặc Công ty TNHH Nam Hồng ký văn bản chuyển nhượng cho khách hàng trong trường hợp Công ty bán lại khi chưa xây dựng xong. Công ty TNHH Nam Hồng đồng ý giao cho Công ty thi công phần cây xanh (đã bao gồm công viên) và vỉa hè. Tiền thanh toán của 2 hạng mục này sẽ trừ vào tiền thanh toán của Công ty đối với Công ty TNHH Nam Hồng vào đợt thanh toán cuối.

- (ii) Phản ánh giá trị tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án xây dựng làng Việt kiều quốc tế tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ký ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh. Theo điều khoản Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty sẽ hợp tác góp vốn cùng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh để đầu tư triển khai các thủ tục pháp lý của Dự án, thi công hạ tầng và xây thô theo quy hoạch được phê duyệt và kinh doanh đối với 45 lô đất thuộc Dự án ("phần Dự án hợp tác"). Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh chịu trách nhiệm đối với toàn bộ công tác triển khai, xây dựng dự án; Công ty sẽ chịu trách nhiệm góp vốn bằng tiền và chịu trách nhiệm đối với công tác bán toàn bộ sản phẩm bất động sản của phần Dự án hợp tác. Khoản tiền góp vốn này sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh hoàn trả cho Công ty hoặc Công ty khấu trừ, thu hồi bằng cách giữ lại khoản tiền thanh toán từ các khách hàng mua sản phẩm của Dự án này.

Doanh thu bán hàng tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất của các lô đất tính theo đơn giá 25 triệu VND/m² thuộc về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh, phần doanh thu bán hàng tính từ đơn giá 25 triệu VND/m² đến đơn giá bán thực tế trừ đi chi phí xây dựng nhà sẽ được coi là doanh thu của Công ty, đồng thời Công ty chịu các khoản chi phí liên quan đến công tác bán hàng và chi phí xây dựng nhà thuộc phần Dự án hợp tác.

- (iii) Phản ánh tiền đặt cọc liên quan đến Hợp đồng mua căn hộ và văn phòng số 68/2016/HDIS-STDA giữa Công ty và Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội Sunrise, theo đó hai bên cùng hợp tác để đầu tư phát triển và kinh doanh Dự án HDI Sunrise. Theo điều khoản Hợp đồng, Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội Sunrise chịu trách nhiệm về mọi thủ tục pháp lý, quyền sử dụng đất, tổ chức triển khai xây dựng Dự án theo đúng thiết kế, hồ sơ quy hoạch đã được duyệt; Công ty chịu trách nhiệm góp vốn bằng tiền theo thỏa thuận trên Hợp đồng để đảm bảo nguồn vốn thực hiện Dự án, đồng thời chịu trách nhiệm bán hàng đối với toàn bộ sản phẩm thuộc phần Dự án hợp tác đầu tư. Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội Sunrise đồng ý bán và Công ty đồng ý mua 2/3 diện tích căn hộ và toàn bộ diện tích văn phòng tại tầng 3, 4 và 5; để đảm bảo thực hiện Hợp đồng, Công ty đồng ý đặt cọc và Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội Sunrise đồng ý nhận đặt cọc 25% tổng giá trị mua bán căn hộ và văn phòng.

Ngay khi Dự án đủ điều kiện mua bán theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản, Công ty có quyền chỉ định các khách hàng ký hợp đồng mua bán trong phạm vi căn hộ, văn phòng mà Công ty đã mua của Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội Sunrise. Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội Sunrise ủy quyền cho Công ty thay mặt thu tiền thanh toán của khách hàng tối đa bằng tỷ lệ mà Công ty đã đặt cọc/thanh toán cho Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội Sunrise theo từng giai đoạn. Số tiền này được dùng để thu hồi tiền đặt cọc nêu trên và dùng để dùng để thu lợi nhuận theo tỷ lệ tương ứng với số tiền đã đặt cọc/thanh toán của Công ty.

- (iv) Phản ánh các khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện các dự án của Công ty.
- (v) Chủ yếu bao gồm các khoản tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng mà Công ty đã trả cho các chủ đầu tư, để thực hiện vai trò tổng đại lý phân phối sản phẩm bất động sản hình thành từ các dự án.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp Theo)
MẪU SỐ B 09a-DN
9. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	6.371.613.065	-	6.371.613.065	-
a) Quá hạn trên 3 năm				
Công ty TNHH Địa ốc Gia Phú	5.391.000.324	-	5.391.000.324	-
Công ty TNHH Giải pháp và Công nghệ An Thịnh	384.300.000	-	384.300.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tây Hồ	106.244.294	-	106.244.294	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	60.615.000	-	60.615.000	-
b) Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm				
Công ty Cổ phần TID	343.870.941	-	343.870.941	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	39.683.691	-	39.683.691	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	45.898.815	-	45.898.815	-

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa bất động sản (i)	189.002.533.022	-	447.532.625.040	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.247.350.482	-	3.894.864.046	-
Cộng	209.249.883.504	-	451.427.489.086	-

- (i) Phản ánh giá trị các bất động sản bao gồm các căn hộ, đất nền Công ty mua từ chủ đầu tư để thực hiện kinh doanh bán lại.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	671.724.343	380.642.859
Chi phí sửa chữa văn phòng	215.157.105	857.500
Chi phí thuê văn phòng	460.741.364	591.645.790
Chi phí tiền điện văn phòng	22.336.364	
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	23.703.455	
Chi phí chờ kết chuyển	6.450.469.766	
	7.844.132.397	973.146.149
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ		2.846.930.540
Chi phí sửa chữa văn phòng	15.887.328.156	1.570.783.346
Chi phí trả trước dài hạn khác	320.234.297	378.047.591
	16.207.562.453	4.795.761.477

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	110.684.934.984	29.535.189.637	2.731.551.040	142.951.675.661
Mua sắm mới	3.058.100.802	4.215.734.547	10.062.992.820	17.336.828.169
Giảm khác	(8.096.485.616)		-	(8.096.485.616)
Số cuối kỳ	105.646.550.170	33.750.924.184	12.794.543.860	152.192.018.214
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	121.523.592	6.430.271.381	1.701.237.309	8.253.032.282
Trích khấu hao trong kỳ	2.756.170.333	2.668.489.094	1.685.457.979	7.110.117.406
Giảm khác	-		-	-
Số cuối kỳ	2.877.693.925	9.098.760.475	3.386.695.288	15.363.149.688
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số cuối kỳ	102.768.856.245	24.652.163.709	9.407.848.572	136.828.868.526
Số đầu kỳ	110.563.411.392	23.104.918.256	1.030.313.731	134.698.643.379

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 2.880.661.942 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.870.532.949 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	-	873.174.769	374.727.273	1.247.902.042
Mua sắm mới	-	-	-	-
Tăng khác	8.096.485.616	-	-	8.096.485.616
Số cuối kỳ	8.096.485.616	873.174.769	374.727.273	9.344.387.658
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	-	519.291.409	175.980.940	695.272.349
Trích khấu hao trong kỳ	37.614.168	77.154.463	93.681.819	208.450.450
Tăng khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	37.614.168	596.445.872	269.662.759	903.722.799
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số cuối kỳ	8.058.871.448	276.728.897	105.064.514	8.440.664.859
Số đầu kỳ	-	353.883.360	198.746.333	552.629.693

Tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 58.860.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 58.860.000 đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Mua sắm (i)	37.648.390.955	1.663.675.708
- Xây dựng cơ bản (ii)		3.951.089.718
	37.648.390.955	5.614.765.426

- (i) Phản ánh giá trị của phần mềm quản lý Công ty đang xây dựng để đưa vào sử dụng trong thời gian tới.
- (ii) Phản ánh giá trị bất động sản mua về để hình thành tài sản cố định trong tương lai, nhằm phục vụ làm văn phòng làm việc và sản thương mại.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần dịch vụ Bất Động Sản Ngôi Sao Toàn Cầu	71.865.507.139	71.865.507.139	64.541.873.140	64.541.873.140
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi Sao Mới	8.380.485.690	8.380.485.690	38.480.514.133	38.480.514.133
Công ty cổ phần BDS Cen Sài Gòn	2.134.879.851	2.134.879.851	3.713.226.474	3.713.226.474
Công ty cổ phần Điện Biên		-	432.265.831	432.265.831
Công ty CP dịch vụ gia tăng Bất động sản Thể Kỳ	6.954.065	6.954.065	5.047.738.427	5.047.738.427
Công ty cổ phần tập đoàn Thể Kỳ	1.010.228.581	1.010.228.581	4.332.931.966	4.332.931.966
Các đối tượng khác	6.685.151.652	6.685.151.652	7.832.923.006	7.832.923.006
	90.083.206.978	90.083.206.978	124.381.472.977	124.381.472.977
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	83.813.419.952	83.813.419.952	116.152.694.040	116.152.694.040

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Mỹ Đình	9.572.124.801	9.572.124.801
Công Ty CP Hồng Hạc Đại Lải		1.675.976.693
Công ty TNHH Phần Mềm Thông Minh VNSTART	162.000.000	-
Khách mua căn hộ dự án Gia Phú	401.879.345	401.879.345
Các đối tượng khác	10.747.438.770	2.057.439.440
	20.883.442.916	13.707.420.279
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	688.947.570	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ
	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6,764,128,369	86,020,257,262	77,824,093,389.00	14,960,292,242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44,012,413,011	64,920,767,952	69,383,096,102	39,550,084,861
Thuế thu nhập cá nhân	27,514,066,081	55,915,862,715	44,758,613,272	38,671,315,524
Các loại thuế khác	-	1,164,398,170	1,164,398,170	-
Cộng	78,290,607,461	208,021,286,099	193,130,200,933	93,181,692,627

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	229,891,813	62,577,296
Nhận tiền góp vốn	-	168,049,784,150
- Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land (i)		143,049,784,150
- Công ty TNHH World Eye Vision		25,000,000,000
Tiền đặt cọc mua căn hộ (ii)	308,871,889,665	77,785,970,868
Phải trả khác	1,536,053,750	85,020,000
	310,637,835,228	245,983,352,314

b) Dài hạn

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3,276,866,095	2,159,739,125
	3,276,866,095	2,159,739,125

- (i) Phản ánh giá trị tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2018/HĐHTĐT/DONGKY ký ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land về việc hợp tác đầu tư liên quan đến các hoạt động kinh doanh và phân phối bất động sản thuộc Dự án đầu tư xây dựng khu thể thao, trường học, công trình công cộng, khu đô thị phường Đồng Kỳ (Tên thương mại Vườn Sen). Số vốn góp của Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land là 143.049.784.150 đồng.

Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land sẽ được phân chia doanh thu mà Công ty được hưởng từ việc bán các bất động sản tại Dự án sau khi trừ đi chi phí bán hàng theo số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn thực tế của Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 25 tháng 6 năm 2019, Công ty Cổ phần Bất động sản Thể Kỳ đã chuyển trả toàn bộ phần vốn góp trị giá 143.049.784.150 đồng, phần lợi nhuận từ hoạt động hợp tác sẽ được Công ty Cổ phần Bất động sản Thể Kỳ xác định và thanh toán cho Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land sau khi Công ty Cổ phần Bất động sản Thể Kỳ và Công ty Nam Hồng - (TNHH) đã thực hiện xong toàn bộ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng số 05/2018/HĐ/CEN-NAM HỒNG.

- (ii) Phản ánh số tiền đặt cọc mua căn hộ, liền kề, biệt thự... của các khách hàng tại các dự án do Công ty phân phối. Các khoản đặt cọc này sẽ được bù trừ vào giá trị thanh toán đợt 1 theo điều khoản Hợp đồng mua bán.

19. VAY NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	170,000,000,000	170,000,000,000	235,000,000,000	274,850,000,000	130,150,000,000	130,150,000,000
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	170,000,000,000	170,000,000,000	235,000,000,000	274,850,000,000	130,150,000,000	130,150,000,000

Chi tiết các khoản vay bao gồm:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vay ngắn hạn	130.150.000.000	170.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính (ii)	78.000.000.000	140.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (iii)	22.150.000.000	-

- (i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/352851/HĐTD ngày 21 tháng 12 năm 2018 có hạn mức 30 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với thời hạn vay là 225 ngày. Lãi suất vay 8,7%/năm; lãi suất áp dụng thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2019. Khoản vay được Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế Kỷ bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và sản kinh doanh dịch vụ, thương mại tầng 01 tòa J, tòa H và tòa K thuộc khu chung cư cao tầng CT7 thuộc dự án Tổ hợp chung cư cao tầng – NCG Residential, khu đô thị Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- (ii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0618/HĐHM/VPB-CENLAND ngày 03 tháng 10 năm 2018 với hạn mức 200 tỷ đồng được sử dụng để tài trợ và bù đắp tiền ký quỹ, đặt cọc/tiền đảm bảo đã thanh toán trong vòng không quá 01 tháng theo các hợp đồng môi giới trước thời điểm ký hợp đồng này; tài trợ tiền lương thưởng hoa hồng phục vụ hoạt động kinh doanh môi giới bất động sản của Công ty kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực; tài trợ tiền thanh toán giữa Công ty và Công ty TNHH Nam Hồng và bù đắp các khoản đã thanh toán của Công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/2018/HĐ/CEN-NAM HỒNG về Dự án Đầu tư xây dựng khu thể thao, trường học, công trình công cộng, khu đô thị phường Đồng Kỵ tại phường Đồng Kỵ, xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ngày rút vốn lần đầu là ngày 29 tháng 12 năm 2018, số tiền 140 tỷ đồng để bù đắp một phần theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/2018/HĐ/CEN-NAM HỒNG. Thời hạn vay 12 tháng, ngày đáo hạn là ngày 29 tháng 12 năm 2019. Lãi suất vay 9,5%/năm được điều chỉnh 01 tháng một lần, kì điều chỉnh đầu tiên là ngày 29 tháng 01 năm 2019. Nợ gốc được trả 03 tháng một lần và trả thành 4 kỳ, kỳ trả đầu tiên là ngày 29 tháng 03 năm 2019. Ngày rút vốn lần thứ hai là ngày 21 tháng 2 năm 2019, số tiền 60 tỷ đồng để bù đắp một phần theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/2018/HĐ/CEN-NAM HỒNG. Thời hạn vay 12 tháng, ngày đáo hạn là ngày 21 tháng 2 năm 2020. Lãi suất vay 9,5%/năm được điều chỉnh 01 tháng một lần, kì điều chỉnh đầu tiên là ngày 21 tháng 03 năm 2019. Nợ gốc được trả 03 tháng một lần và trả thành 4 kỳ, kỳ trả đầu tiên là ngày 21 tháng 05 năm 2019.

Tài sản đảm bảo của khoản vay là Văn phòng làm việc tầng 2,3 thuộc Tổ hợp căn hộ cao cấp và văn phòng làm việc Dolphin Plaza, số 28 đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- (iii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay từng lần số 02/2019-HĐCVTL/NHCT126-CTYCPBĐSTHEKY ngày 25 tháng 3 năm 2019 với số tiền cho vay tối đa là 62 tỷ đồng, được sử dụng để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện phương án đầu tư nhà ở liền kề lô LK5-1 và lô LK9, khu đô thị mới Đông Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa. Ngày rút vốn lần đầu là ngày 26 tháng 3 năm 2019, số tiền 30 tỷ đồng. Thời hạn vay 12 tháng, ngày đáo hạn là ngày 26 tháng 3 năm 2020. Ngày rút vốn lần thứ hai là

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp Theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

ngày 28 tháng 3 năm 2019, số tiền 15 tỷ đồng. Thời hạn vay 12 tháng, ngày đáo hạn là ngày 28 tháng 3 năm 2020. Lãi suất vay 9,5%/năm. Nợ gốc được trả trong 11 kỳ, số tiền trả mỗi lần theo thông báo của ngân hàng.

Tài sản đảm bảo của khoản vay là 32 Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Khu đô thị mới Đông Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2018						
Số dư đầu kỳ trước	250.000.000.000	-	-	12.899.194.890	260.949.108.944	523.848.303.834
Phát hành cổ phiếu	250.000.000.000	375.000.000.000	-	-	-	625.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	205.471.963.487	205.471.963.487
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	21.710.909.062	(21.710.909.062)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(32.566.363.593)	(32.566.363.593)
Số dư cuối kỳ trước	500.000.000.000	375.000.000.000	-	34.610.103.952	412.143.799.776	1.321.753.903.728
Kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2019						
Số dư đầu kỳ này	500.000.000.000	375.000.000.000	-	34.610.103.952	502.783.283.898	1.412.393.387.850
Phát hành cổ phiếu (i)	300.000.000.000	(225.000.000.000)	-	-	(75.000.000.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	258.051.085.378	258.051.085.378
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	29.700.427.430	(29.700.427.430)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(20.790.299.201)	(20.790.299.201)
Chi tiền mua cổ phiếu	-	-	(1.080.000)	-	-	(1.080.000)
Số dư cuối kỳ này	800.000.000.000	150.000.000.000	(1.080.000)	64.310.531.382	635.343.642.645	1.649.653.094.027

(v) Trong kỳ, Công ty đã tăng bổ sung 300 tỷ đồng vốn điều lệ theo Quyết định số 14/2019/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị về kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 5 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 800 tỷ đồng.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	80,000,000	50,000,000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,435,843,236,384	688,543,658,580
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu môi giới bất động sản	764,043,074,990	640,068,845,111
Doanh thu đầu tư bất động sản	656,358,501,172	28,695,502,446
Doanh thu cho thuê văn phòng và khác	15,441,660,222	19,779,311,023
	1,435,843,236,384	688,543,658,580

Các khoản giảm trừ doanh thu

12,802,872,727

Giảm trừ Doanh thu đầu tư bất động sản

12,802,872,727

12,802,872,727

Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)

210,860,243,713

183,574,949,662

22. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn môi giới bất động sản	517,995,191,188	357,289,003,747
Giá vốn đầu tư bất động sản	484,066,253,907	21,274,655,573
Giá vốn cho thuê văn phòng	10,757,188,058	1,071,375,177
	1,012,818,633,153	379,635,034,497

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.127.245.049	1.656.370.745
Lãi cho vay	177.246.575	523.150.685
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán		119.691.549
Khác	5.975.200	
	1.310.466.824	2.299.212.979

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	19.344.156.970	-
	19.344.156.970	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ
 Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu
 Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn
 Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế Kỷ
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ
 Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ
 Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam
 và các thành viên thuộc Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người liên quan

Công ty mẹ của Công ty
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn

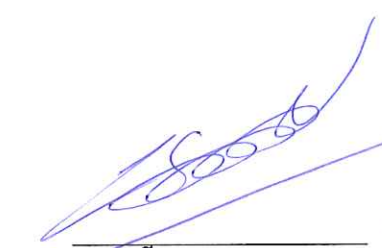
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	71.440.482.496	19.709.419.420
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	132.054.960.668	163.865.530.242
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	355.371.188	
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	65.454.547	
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ	744.276.131	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	147.000.000	-
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	6.052.698.683	-
	210.860.243.713	183.574.949.662
	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	133.585.713.926	81.225.012.574
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	5.355.411.376	4.216.560.325
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	43.730.814.943	22.606.691.554
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	236.288.635	757.052.535
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	5.161.615.407	4.434.587.816
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ		213.131.283
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	4.091.974.578	
	192.161.818.865	113.453.036.087

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp Theo) MẪU SỐ B 09a-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	107,199,005,632	83,126,606,578
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	23,209,294,026	12,591,833,641
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thể Kỷ	59,486,500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thể kỷ	6,534,000	-
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	1,701,773,250	51,292,156
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	72,000,000	27,907,200
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	77,000,000	
	132,248,093,408	95,797,639,575
Trả trước người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ		901,717,390
	-	901,717,390
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	45,000,000,000	
	45,000,000,000	
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	456,600,000,000	315,000,000,000
Công ty cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	30,000,000,000	30,000,000,000
	486,600,000,000	345,000,000,000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	71,865,507,139	64,541,873,140
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	2,134,879,851	3,713,226,474
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	8,380,485,690	38,480,514,133
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thể kỷ	1,010,228,581	4,332,931,966
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thể kỷ	101,363,702	36,409,900
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thể kỷ	6,954,065	5,047,738,427
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	314,000,924	-
	83,813,419,952	116,152,694,040


Nguyễn Công Sơn
 Người lập biểu


Lê Thị Lan
 Kế toán trưởng


Chu Hữu Chiến
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 10 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

